

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**TRẦN ÁNH PHƯƠNG**

**PHÁP LUẬT VỀ LÃI SUẤT TRONG  
HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**

Chuyên ngành: **Luật kinh tế**

Mã số: **838 01 07**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**Thừa Thiên Huế, năm 2018**

Công trình được hoàn thành tại:  
**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Trần Công Dũng**

Phản biện 1: TS. Đào Thị Mộng Điệp

Phản biện 2: PGS-TS. Trần Thị Huệ

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ  
họp

tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm 2018

## MỤC LỤC

|  |    |
|--|----|
| <b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....   | 1  |
| 1. Tính cấp thiết của nghiên cứu đề tài .....  | 1  |
| 2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài .....   | 2  |
| 3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài .....  | 5  |
| 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....   | 5  |
| 5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu .....  | 5  |
| 6. Những đóng góp mới của luận văn .....   | 6  |
| 7. Cơ cấu của luận văn .....   | 6  |
| <b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ LÃI SUẤT TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG</b> ..... | 6  |
| 1.1. Hợp đồng tín dụng và lãi suất trong hợp đồng tín dụng. ....                           | 6  |
| 1.1.1. Khái niệm và đặc điểm về hợp đồng tín dụng.....                                     | 6  |
| 1.1.2. Khái niệm lãi suất trong hợp đồng tín dụng .....                                    | 7  |
| 1.1.3. Vai trò của lãi suất.....   | 7  |
| 1.1.3.1. Vai trò vĩ mô.....  | 7  |
| 1.1.3.2. Vai trò vi mô.....  | 7  |
| 1.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất.....   | 8  |
| 1.1.4.1. Mức cung cầu về tiền tệ (vốn) trên thị trường.....                                | 8  |
| 1.1.4.2. Lạm phát .....  | 8  |
| 1.1.4.3. Chính sách tiền tệ của chính phủ .....  | 8  |
| 1.1.4.4. Rủi ro và kì hạn tín dụng.....  | 8  |
| 1.1.4.5. Một số nhân tố khác.....  | 8  |
| 1.2. Khung pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng. ....                             | 8  |
| 1.2.1. Các quy định về nội dung các loại lãi suất trong hợp đồng tín dụng .....            | 8  |
| 1.2.1.1. Các loại lãi suất căn cứ vào nghiệp vụ ngân hàng .....                            | 8  |
| 1.2.1.2. Các loại lãi suất căn cứ vào giá trị của tiền lãi.....                            | 9  |
| 1.2.1.3. Các loại lãi suất căn cứ vào tính linh hoạt của lãi suất.....                     | 9  |
| 1.2.1.4. Các loại lãi suất căn cứ vào thời hạn tín dụng .....                              | 9  |
| 1.2.1.5. Các loại lãi suất căn cứ vào nguồn tín dụng trong nước hay quốc tế....            | 9  |
| 1.2.2. Các quy định về giải quyết tranh chấp về lãi suất. ....                             | 9  |
| 1.2.3. Pháp luật quy định về xử lý vi phạm lãi suất cho vay .....                          | 9  |
| 1.2.3.1. Phạt vi phạm.....   | 9  |
| 1.2.3.2. Xử lý hình sự .....   | 10 |
| 1.3. Các tiêu chí đánh giá pháp luật về lãi suất .....                                     | 10 |
| 1.3.1. Tính phù hợp .....  | 10 |
| 1.3.2. Tính khả thi.....   | 10 |
| Tiểu kết chương 1 .....  | 10 |

|   |    |
|---|----|
| <b>Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ LÃI SUẤT TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG</b> .....                                  | 10 |
| 2.1. Thực trạng pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng.....  | 10 |
| 2.1.1. Lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng .....   | 10 |
| 2.1.2. Về lãi suất nợ quá hạn.....  | 11 |
| 2.1.3. Thỏa thuận phạt lãi suất chậm trả lãi .....  | 12 |
| 2.1.4. Đánh giá các quy định về lãi suất trong hợp đồng tín dụng .....  | 12 |
| 2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về lãi suất trong hợp đồng tín dụng.....  | 12 |
| 2.2.1. Lãi suất trong hạn và cách tính lãi suất trong hạn .....   | 12 |
| 2.2.2. Lãi suất quá hạn.....  | 16 |
| 2.2.3. Về phạt lãi suất chậm trả lãi. ....  | 16 |
| 2.2.4. Những vướng mắc, bất cập trong áp dụng pháp luật về lãi suất.....  | 16 |
| 2.3. Đánh giá quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng. ....              | 17 |
| 2.3.1. Quy định của pháp luật về tranh chấp và giải quyết tranh chấp về lãi suất  | 17 |
| 2.3.2. Quy định của pháp luật về xử lý vi phạm lãi suất. ....   | 17 |
| Tiểu kết chương 2.....  | 18 |
| <b>Chương 3. YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ LÃI SUẤT TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG</b> .....       | 19 |
| 3.1. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về lãi suất trong Hợp đồng tín dụng ở Việt Nam hiện nay. ....   | 19 |
| 3.1.1 Đảm bảo vai trò của công cụ lãi suất trong nền kinh tế thị trường.....  | 19 |
| 3.1.2. Tạo hành lang pháp lý trong hoạt động tín dụng, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn cho chính tổ chức tín dụng và hệ thống tín dụng. .... | 19 |
| 3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật.....  | 20 |
| 3.2.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự về vi phạm lãi suất theo quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự. ....  | 20 |
| 3.2.2. Hoàn thiện quy định thống nhất căn cứ tính lãi suất chậm trả trong BLDS và luật chuyên ngành liên quan.....                              | 20 |
| 3.2.3. Hoàn thiện các quy định về xử lý vi phạm lãi suất. ....  | 22 |
| 3.2.4. Hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp về lãi suất. ....   | 22 |
| 3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật.....   | 22 |
| Tiểu kết chương 3.....  | 23 |
| <b>PHẦN KẾT LUẬN</b> .....  | 24 |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>  |    |

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của nghiên cứu đề tài

Lãi suất trong HĐTD ảnh hưởng đến lợi ích tham gia của các bên quan hệ tín dụng nói riêng và xã hội nói chung. Giải quyết lãi suất đúng quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi của các bên là một việc rất cần thiết. Trên thực tế, vẫn còn nhiều bất cập trong quá trình giải quyết tại các cơ quan có thẩm quyền. Một trong những nguyên nhân là sự không thống nhất và đầy đủ quy định của pháp luật. Hạn chế phát sinh và lãi suất hợp đồng tín dụng là việc làm cần thiết và có ý nghĩa nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bên tham gia quan hệ tín dụng, góp phần đẩy mạnh sự phát triển của nền kinh tế. Trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới kinh tế, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn nỗ lực tìm kiếm các giải pháp nhằm đưa nền kinh tế nước ta phát triển một cách toàn diện và hội nhập có hiệu quả với nền kinh tế thế giới. Những giải pháp đưa ra và được thực hiện trên thực tế đã thu được những kết quả khả quan trong lĩnh vực kinh tế với chủ trương xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong sự phát triển đó, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng nền kinh tế, điều tiết các mối quan hệ trong nền kinh tế, chống lạm phát và các nhân tố phát sinh trong nền kinh tế thị trường. Một trong những công cụ NHNN sử dụng nhiều nhất để thực hiện các chức năng của mình là công cụ lãi suất. Đây là một công cụ của chính sách tiền tệ được nhiều nhà nghiên cứu kinh tế quan tâm và nhiều quốc gia sử dụng như một công cụ hữu hiệu để điều tiết nền kinh tế. Đồng thời, đây cũng được coi là công cụ nhạy cảm nhất và vấn đề nóng bỏng thu hút được nhiều sự quan tâm của các thành phần dân cư trong xã hội. Nó tác động đến quyết định tiết kiệm hay chi tiêu dùng của người dân, đầu tư công nghệ hay giảm thiểu chi phí của doanh nghiệp. Là một công cụ có vai trò quan trọng như vậy nên lãi suất là một trong những biến số được theo dõi một cách chặt chẽ.

Vấn đề cấp thiết đặt ra là việc nghiên cứu tương đối đầy đủ các tranh chấp HĐTD mà nội dung là lãi suất cho vay, từ đó đề ra các hướng giải quyết thích hợp; thực trạng pháp luật về lãi suất trong HĐTD cũng như việc áp dụng pháp luật về lãi suất trong HĐTD trên thực tế. Từ đó, đề ra các giải pháp nhằm áp dụng pháp luật về lãi suất trong HĐTD được thống nhất. Là một cán bộ làm trong hệ thống Tòa án thường xuyên giải quyết các vụ án trên, bản thân tôi nhận thấy những bất cập thực tiễn. Vì vậy, tôi đã chọn đề tài: ***“Pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng”*** làm đề tài nghiên cứu luận văn thạc sỹ của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Qua quá trình khảo sát về tình hình nghiên cứu các tài liệu để phục vụ cho đề tài nghiên cứu của mình, tác giả nhận thấy pháp luật về lãi suất trong đồng tín dụng không phải là vấn đề mới mẻ trong hoạt động nghiên cứu của chuyên môn. Từ năm 2002 tại Trường đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh đã có khóa luận tốt nghiệp với đề tài “ *Pháp luật giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐTD ngân hàng*” của tác giả Nguyễn Cao Cường. “*Xác định thời hạn chậm thực hiện nghĩa vụ đối với hợp đồng vay tài sản*” của Nguyễn Hải An tạp chí Ngân hàng, tác phẩm “*Lý thuyết tài chính-tiền tệ*” PGS.TS Nguyễn Đăng Dờn, NXB Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, xuất bản 2005 hay cuốn “*Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*”, năm 2007 NXB Thống kê của TS. Nguyễn Minh Kiều; “*Tiền và hoạt động ngân hàng*”, NXB tài chính của TS. Lê Vinh Danh. “*Vướng mắc trong việc giải quyết yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán trong hợp đồng dân sự và thương mại ở Việt Nam*” Khoa luật- Đại học Huế, tạp chí Tòa án số 21, tháng 11/2013 của Th.s Nguyễn Thanh Tùng Đại học luật- Đại học Huế. [38, tr 18-20]... Nhìn chung những bài viết này đều xem xét lãi suất dưới góc độ kinh tế và vai trò của lãi suất trong nền kinh tế thị trường hoặc đánh giá dưới góc độ lập pháp và hành pháp về cơ chế điều hành lãi suất của NHNN. Chưa có bài viết nào trên tạp chí chuyên ngành, sách báo đi sâu nghiên cứu vấn đề pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng.

Đã có một số bài viết về lãi suất như trong tạp chí tài chính, tạp chí ngân hàng, trong tạp chí Tòa án nhân dân. Mỗi bài viết về lãi suất đều đưa ra những bất cập, hạn chế trong quy định về lãi suất. Trong tạp chí Tòa án “*Vận dụng đúng quy định của pháp luật về lãi suất, giải quyết tranh chấp tín dụng ngân hàng tại Tòa án*”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 23, tháng 10/2013 và số 24 tháng 12/ 2013 được Ths.LS. Lương Khải Ân - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên giảng viên Học viện Ngân hàng phân viện Phú Yên nghiên cứu. Theo đó, LS. Lương Khải Ân đã nghiên cứu khá kỹ vấn đề lãi suất trước và sau khi ban hành BLDS 2005, thực tiễn áp dụng pháp luật về lãi suất trong giải quyết những tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng tại Tòa án được chỉ rõ. Đó là các vấn đề về lãi suất đối với dư nợ quá hạn hay vận dụng những thay đổi về lãi suất và cơ chế điều chỉnh lãi suất khi giải quyết tranh chấp, về hợp đồng không có lãi, thỏa thuận vi phạm chậm trả và xác định tiền gốc để tính lãi suất quá hạn. Bài viết của PGS.TS. Đoàn Đức Lương, Hiệu trưởng Đại học Luật- Đại học Huế “*Vướng mắc trong áp dụng pháp*

*luật về lãi suất trong HĐTD và hợp đồng vay tài sản*”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 20 tháng 10/2013. Bài viết chỉ ra những quy định về lãi suất trong Bộ luật dân sự 2005, Luật Ngân hàng, Luật TCTD và các văn bản dưới luật là không thống nhất, dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau. Từ bài viết này giúp tác giả hiểu thêm những vướng mắc quy định pháp luật về lãi suất góp phần định hướng nghiên cứu đề tài, bổ sung hoàn thiện luận văn. Bài viết của Luật sư Lương Khải Ân cũng đã đưa ra kiến nghị như PGS. TS Đoàn Đức Lương: Cần phải sửa đổi luật mà cụ thể là về cơ chế điều chỉnh lãi suất nhằm đảm bảo cho việc giải quyết tranh chấp được thống nhất, thỏa đáng, tạo niềm tin và tính nghiêm minh đúng đắn của pháp luật.

Hoạt động tìm hiểu tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài của tác giả ghi nhận thêm một số đề tài nghiên cứu khoa học cử nhân có liên quan của một số tác giả khác như: *“Giải quyết tranh chấp trong HĐTD tại Tòa án - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”* khóa luận Nguyễn Thị Thu Hằng Đại học Luật Hà Nội năm 2008 hay là luận văn của Nguyễn Thị Kim Thoa *“Tranh chấp HĐTD ngân hàng - Nguyên nhân và giải pháp qua thực tiễn giải quyết tại Tòa án”* năm 2008 trường đại học Luật Tp Hồ Chí Minh. Luận văn của tác giả nghiên cứu khá rộng về các giải quyết trong tranh chấp HĐTD. Đó là tranh chấp về nghĩa vụ hoàn trả lãi và vốn, mục đích sử dụng vốn, tài sản bảo đảm hợp đồng, gia hạn nợ và chuyển nợ quá hạn, tranh chấp về lãi suất cho vay. Chính vì nghiên cứu rộng như vậy nên tác giả Nguyễn Thị Kim Thoa đã chưa đi sâu nghiên cứu mọi khía cạnh lãi suất trong HĐTD đồng thời tác giả tập trung nghiên cứu về tranh chấp xảy ra trên thực tế chứ chưa tìm hiểu sâu rộng, toàn diện các quy định pháp luật về lãi suất và vấn đề áp dụng các quy định đó vào HĐTD cụ thể. Ngoài những đề tài nghiên cứu trên còn có các công trình nghiên cứu của Huỳnh Trung Hiếu Đại học Cần Thơ *“Một số giải pháp nhằm hạn chế tranh chấp trong HĐTD”* năm 2008. Theo đó, đề tài tập trung đưa ra những thực trạng tranh chấp trong HĐTD trên thực tế và chú trọng giải pháp khắc phục nói chung chứ cũng không nghiên cứu chuyên sâu mảng lãi suất và áp dụng quy định của pháp luật về lãi suất trong HĐTD. Gần đây nhất, đáng chú ý nữa là công trình nghiên cứu cử nhân của Phạm Lê Ninh Trường Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh năm 2010 cũng có nghiên cứu đề tài về lãi suất *“Tranh chấp về lãi suất trong HĐTD - Thực trạng và giải pháp”*. Đề tài tương đối gần gũi với đề tài tác giả chọn làm đề tài nghiên cứu luận văn thạc sỹ. Tuy nhiên, qua nghiên cứu tác giả nhận thấy công trình nghiên

cứu của Phạm Lê Ninh được nghiên cứu ở mức độ là khóa luận cử nhân nên vẫn còn hạn chế ở mức chuyên sâu. Bên cạnh đó, luận văn cử nhân này còn nghiêng về tranh chấp lãi suất trong hợp đồng vay. Qua quá trình nghiên cứu tài liệu của tác giả này thấy rằng tác giả Phạm Lê Ninh cũng đã có đề cập đến những quy định của pháp luật về lãi suất trong HĐTD khá cụ thể qua từng giai đoạn song tác giả lại bỏ sót các quy định trước và sau khi có BLDS 2005 đặc biệt luận văn của Phạm Lê Ninh không hề đề cập đến vấn đề áp dụng những quy định của pháp luật về lãi suất trên thực tế mà chỉ chú trọng về các tranh chấp về lãi suất trên thực tế. Qua việc tìm hiểu những luận văn cử nhân trên tác giả nhận thấy các công trình này chỉ dừng lại ở mức độ nghiên cứu về giải quyết những tranh chấp phát sinh từ HĐTD nói chung.

Về các luận văn thạc sỹ nghiên cứu các vấn đề liên quan, quá trình tìm hiểu tác giả nhận thấy chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu về **“Pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng”**. Có chăng cũng chỉ có một số công trình liên quan như: *“Tự do hóa lãi suất và những biện pháp hạn chế rủi ro lãi suất trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại”* năm 2003 công trình nghiên cứu thạc sỹ của Thanh Hoàng Đăng Khoa. Luận văn tập trung nghiên cứu lãi suất trong hoạt động ngân hàng mà cụ thể là ngân hàng thương mại, đề tài tập trung nghiên cứu rủi ro lãi suất tại một số ngân hàng thương mại nhưng phạm vi nghiên cứu chỉ ở một số ngân hàng thương mại cổ phần, luận văn chú trọng giải quyết vấn đề dưới góc độ kinh tế chứ không phải góc độ pháp luật. *“Giải quyết tranh chấp về lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng và TCTD tại Tòa án”* năm 2007 của tác giả La Hồng, ĐH Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trong luận văn này tác giả tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật về lãi suất trong HĐTD đối với quan hệ kinh doanh thương mại, so sánh với lãi suất vay trong hợp đồng vay dân sự qua các thời kỳ, từ đó nêu rõ những mâu thuẫn trong quy định của pháp luật về lãi suất cho vay và sự áp dụng không thống nhất trong công tác xét xử tại tòa án và đưa ra những nhận định về việc giải quyết tranh chấp về lãi suất trong hợp đồng tín dụng. Như vậy, qua quá trình nghiên cứu tìm hiểu tác giả chưa thấy công trình nào nghiên cứu vào vấn đề quy định của pháp luật về lãi suất trong HĐTD. Các đề tài nghiên cứu đều đi theo hướng tập trung vào tranh chấp HĐTD nói chung, giải quyết tranh chấp về vấn đề lãi suất dưới góc độ kinh tế là chủ yếu. Từ đó có thể thấy rằng đề tài **“Pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng”** mà



tác giả chọn làm đề tài nghiên cứu là công trình đầu tiên tiếp cận vấn đề lãi suất một cách toàn diện và đầy đủ trong các quan hệ pháp luật.

### **3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm rõ một số vấn đề lý luận pháp luật về lãi suất trong HĐTD, thực trạng pháp luật về lãi suất trong HĐTD và các yêu cầu và giải pháp hoàn thiện pháp luật về lãi suất trong HĐTD.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu trên, đề tài phải thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau đây:

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng.

- Phân tích, đánh giá thực trạng quy định của pháp luật về lãi suất trong HĐTD cũng như việc áp dụng quy định pháp luật về lãi suất trong HĐTD trên thực tế.

- Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về lãi suất trong HĐTD, thống nhất áp dụng pháp luật và góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về lãi suất trong HĐTD nhằm hạn chế dẫn đến tranh chấp lãi suất trong hợp đồng tín dụng.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn tập trung nghiên cứu pháp luật về lãi suất trong HĐTD theo pháp luật Việt Nam và việc áp dụng những quy định đó trên thực tế.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Trong phạm vi đề tài “Pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng” tác giả nghiên cứu ở các khía cạnh chính sau:

Một là lý luận pháp luật về lãi suất trong HĐTD: bao gồm các vấn đề như khái niệm, đặc điểm về lãi suất trong HĐTD, vai trò của lãi suất, khái niệm HĐTD.

Hai là những quy định pháp luật về lãi suất trong HĐTD của TCTD và thực trạng áp dụng các quy định này trong thực tiễn. Từ việc nghiên cứu các quy định này, tác giả sẽ phân tích thực trạng áp dụng các quy định pháp luật về lãi suất và đưa ra một số giải pháp, kiến nghị nhằm khắc phục các bất cập còn xảy ra trên thực tế.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

#### **5.1. Phương pháp luận nghiên cứu**

Để đạt được các mục tiêu trên Luận văn này được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận biện chứng Mác-Lênin, vận dụng các lý luận từ phương pháp luận này để giải quyết tình hình thực tế, phù hợp chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

## **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu của luận văn là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Ngoài ra tác giả cũng sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, quy nạp... để xác định những bất cập, không đảm bảo tính nhất quán của pháp luật điều chỉnh quan hệ tín dụng dẫn đến việc áp dụng không thống nhất. Trên cơ sở đó, đưa ra những kiến nghị cụ thể, góp phần hoàn thiện pháp luật, thực hiện sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong quan hệ pháp luật.

## **6. Những đóng góp mới của luận văn**

Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần làm cơ sở lý luận vào việc sửa đổi các quy định của pháp luật về lãi suất trong HĐTD nhằm để hạn chế các tranh chấp. Đồng thời luận văn còn là tài liệu tham khảo phục vụ công việc nghiên cứu giảng dạy và học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Luận văn đề ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về lãi suất trong HĐTD. Góp phần thống nhất quan điểm áp dụng các quy định của pháp luật về lãi suất trong HĐTD.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài mục lục, danh mục các từ viết tắt, lời nói đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo luận văn được kết cấu 3 chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng.

Chương 3: Yêu cầu và giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng.

### **Chương 1**

#### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN**

#### **PHÁP LUẬT VỀ LÃI SUẤT TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**

##### **1.1. Hợp đồng tín dụng và lãi suất trong hợp đồng tín dụng.**

##### **1.1.1. Khái niệm và đặc điểm về hợp đồng tín dụng.**

##### **+ Khái niệm về hợp đồng tín dụng.**

##### **Tín dụng:**

“HĐTD là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa TCTD (bên cho vay) với tổ chức, cá nhân có đủ những điều kiện luật định (bên vay), theo đó TCTD chuyển giao một số tiền tệ cho bên vay sử dụng trong một thời hạn nhất định, với điều kiện có hoàn trả cả gốc và lãi, dựa trên sự tín nhiệm.

Với định nghĩa này, HĐTD bao gồm hai yếu tố:

- Về phương diện hình thức, sự thỏa thuận giữa TCTD (bên cho vay) với khách hàng (bên đi vay) phải được thể hiện bằng văn bản.

- Về phương tiện nội dung, bên cho vay đồng thuận để bên vay được sử dụng một số tiền của mình trong thời hạn nhất định, với điều kiện có hoàn trả, dựa trên sự tín nhiệm của khách hàng.

#### **+ Đặc điểm của hợp đồng tín dụng**

Hợp đồng tín dụng có những đặc điểm cơ bản như sau:

Về hình thức.

Về chủ thể.

Về đối tượng.

Về tính rủi ro.

Về cơ chế thực hiện quyền và nghĩa vụ.

#### **1.1.2. Khái niệm lãi suất trong hợp đồng tín dụng**

Lãi suất trong HĐTD là sự thỏa thuận giữa TCTD (bên cho vay) với tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác (Bên vay), theo đó lãi suất trong HĐTD chính là tỷ lệ giữa khoản tiền bên vay phải trả thêm cho bên cho vay trên tổng số tiền vay trong một thời gian nhất định để được sử dụng khoản tiền đó.

#### **1.1.3. Vai trò của lãi suất**

Lãi suất là một trong những biến số được quan tâm chặt chẽ nhất trong nền kinh tế, bởi lãi suất không chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống của mỗi chúng ta mà còn là một chỉ số đo lường sức khỏe của nền kinh tế. Có thể khái quát vai trò của lãi suất qua hai nội dung là vai trò vĩ mô và vai trò vi mô:

##### **1.1.3.1. Vai trò vĩ mô**

Đối với NHNN thì lãi suất là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô.

##### **1.1.3.2. Vai trò vi mô**

Lãi suất là yếu tố thúc đẩy kinh doanh có hiệu quả của các doanh nghiệp, bù đắp chi phí và đem lại lợi nhuận cho Ngân hàng.

Mặt khác, lãi suất chính là công cụ để cạnh tranh giữa các TCTD.

#### **1.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất**

##### **1.1.4.1. Mức cung cầu về tiền tệ (vốn) trên thị trường**

Đây là nhân tố tác động trực tiếp đến việc hình thành lãi suất trên thị trường.

##### **1.1.4.2. Lạm phát**

Có thể nói rằng lạm phát là một trong những nhân tố chủ chốt ảnh hưởng đến lãi suất tín dụng.

##### **1.1.4.3. Chính sách tiền tệ của chính phủ**

Một khi lãi suất tín dụng tăng quá cao hay giảm thấp thì đều có ảnh hưởng nhất định đến nền kinh tế. Chính bởi vậy mà Nhà nước đã thực hiện các chính sách tiền tệ của mình thông qua Ngân hàng TW với vai trò chỉ huy toàn bộ hệ thống ngân hàng của một quốc gia (với các công cụ như lãi suất tái chiết khấu, tỉ lệ dự trữ bắt buộc) để điều chỉnh lãi suất, bình ổn nền kinh tế.

##### **1.1.4.4. Rủi ro và kì hạn tín dụng**

Có thể nói khi đầu tư vào bất cứ ngành nghề hay lĩnh vực nào đều có những rủi ro nhất định, trong tín dụng cũng vậy.

##### **1.1.4.5. Một số nhân tố khác**

- Sự ổn định về kinh tế chính trị: Nền kinh tế ổn định và phát triển là một yếu tố kiên quyết để lãi suất tín dụng được ổn định. Khi nền kinh tế phát triển quá nóng hay là rơi vào suy thoái thì Nhà nước đều có những chính sách, biện pháp điều chỉnh lãi suất để kìm hãm hay kích thích nền kinh tế, phù hợp với thực trạng của nền kinh tế.

- Các thể chế tài chính trung gian.

- Tỷ giá hối đoái.

- Tình hình tài chính quốc tế.

#### **1.2. Khung pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng.**

##### **1.2.1. Các quy định về nội dung các loại lãi suất trong hợp đồng tín dụng**

Pháp luật về lãi suất phải quy định về hai vấn đề: Nội dung của các loại lãi suất và cơ chế giải quyết lãi suất.

##### **1.2.1.1. Các loại lãi suất căn cứ vào nghiệp vụ ngân hàng**

- Lãi suất tín dụng ngân hàng: Là lãi suất mà người đi vay phải trả cho ngân hàng (người cho vay).

- Lãi suất tiền gửi ngân hàng.

- Lãi suất chiết khấu.

- Lãi suất tái chiết khấu.

- Lãi suất liên ngân hàng.

- Lãi suất cơ bản.

#### *1.2.1.2. Các loại lãi suất căn cứ vào giá trị của tiền lãi*

Lãi suất thực.

Lãi suất danh nghĩa.

Lãi suất thực trả.

#### *1.2.1.3. Các loại lãi suất căn cứ vào tính linh hoạt của lãi suất*

- Lãi suất cố định.

- Lãi suất thả nổi.

#### *1.2.1.4. Các loại lãi suất căn cứ vào thời hạn tín dụng*

Hoạt động cho vay của TCTD được thể hiện dưới nhiều hình thức như cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn căn cứ vào thời hạn tín dụng tương ứng với từng loại lãi suất cụ thể.

#### *1.2.1.5. Các loại lãi suất căn cứ vào nguồn tín dụng trong nước hay quốc tế*

- Lãi suất trong nước.

- Lãi suất quốc tế.

#### **1.2.2. Các quy định về giải quyết tranh chấp về lãi suất.**

Tranh chấp phát sinh từ HĐTD được hiểu là tình trạng pháp lý của quan hệ HĐTD, trong đó các bên thể hiện sự xung đột hay bất đồng ý chí với nhau về những quyền và nghĩa vụ hoặc lợi ích phát sinh từ HĐTD. Một HĐTD được coi là có tranh chấp khi sự xung đột, bất đồng về phương diện quyền lợi của các bên đã được thể hiện ra bên ngoài thông qua những bằng chứng cụ thể và xác định được.

##### *1.2.2.2. Đặc điểm của tranh chấp về lãi suất:*

Tuy nhiên tranh chấp về lãi suất cũng có những nét đặc thù sau:

Thứ nhất, tranh chấp về lãi suất trong HĐTD thường có nguyên nhân khách quan, xuất phát từ các yếu tố tác động đến lãi suất cho vay của các TCTD như sự biến động thị trường, chính sách điều tiết kinh tế của Nhà nước.

Thứ hai, tranh chấp về lãi suất thông thường phát sinh khi HĐTD đã được thực hiện và một trong hai bên đều có vi phạm nghĩa vụ.

Thứ ba, số lượng tranh chấp về lãi suất chiếm một tỷ trọng không nhiều trong số các tranh chấp về HĐTD và càng nhỏ hơn trong tổng số các tranh chấp kinh tế hoặc dân sự.

#### **1.2.3. Pháp luật quy định về xử lý vi phạm lãi suất cho vay**

##### *1.2.3.1. Phạt vi phạm*

Phạt vi phạm là một trong loại chế tài do các bên tự lựa chọn, nó có ý nghĩa như một biện pháp trừng phạt, răn đe, phòng ngừa vi phạm hợp đồng, nhằm nâng cao ý thức tôn trọng hợp đồng của các bên.

Hiện nay vấn đề tiền phạt lãi suất do chậm trả lãi chưa được quy định trong pháp luật Ngân hàng, điều khoản phạt chậm trả lãi trong HĐTD chỉ mới quy định tại một số điều tại BLDS 2015 và Luật thương mại 2005.

#### *1.2.3.2. Xử lý hình sự*

Hiện nay Bộ luật hình sự chỉ có một điều quy định xử lý vi phạm về lãi suất cho vay trong hoạt động tín dụng của các TCTD đó là Điều 201 Bộ Luật Hình sự năm 2015.

### **1.3. Các tiêu chí đánh giá pháp luật về lãi suất**

#### **1.3.1. Tính phù hợp**

Quyền của người vay.

Quyền lợi ích của tổ chức tín dụng.

#### **1.3.2. Tính khả thi**

Khả năng quản lý của Nhà nước.

Trình độ của nền kinh tế.

### **Tiểu kết chương 1**

Chương 1 trình bày những lí luận chung nhất về lãi suất trong HĐTD. Chương này làm rõ các khái niệm, đặc điểm về hợp đồng tín dụng, khái niệm về lãi suất trong hợp đồng tín dụng, vai trò của lãi suất, các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất. Khung pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng, các quy định về giải quyết tranh chấp về lãi suất, pháp luật về xử lý vi phạm lãi suất cho vay, các tiêu chí đánh giá pháp luật về lãi suất.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ LÃI SUẤT TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**

#### **2.1. Thực trạng pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng**

##### **2.1.1. Lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng**

Ngày 16/6/2010 Quốc hội thông qua Luật TCTD theo đó tại khoản 2 Điều 91 Luật TCTD năm 2010 quy định “TCTD và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của TCTD theo quy định của pháp luật”.

Tuy nhiên quy định trên lại mâu thuẫn với khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các*

*bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay”.*

Như vậy, cùng điều chỉnh một vấn đề là lãi suất cho vay nhưng lại tồn tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định khác nhau.

Vấn đề là việc áp dụng văn bản nào cho phù hợp, đồng thời đảm bảo được quyền lợi các bên.

Mặc dù nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định khác nhau về vấn đề lãi suất cho vay nhưng theo tác giả áp dụng BLDS làm căn cứ để giải quyết là hợp lý bởi lẽ:

Thứ nhất, căn cứ khoản 2, 3 Điều 83 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định:

“Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành mà có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản được ban hành sau”.

Như vậy, BLDS 2015 là văn bản có giá trị pháp lý cao hơn so với Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc NHNN, Thông tư số: 07/2010/TT-NHNN ngày 26-02-2010 và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của NHNN quy định.

Thứ hai, BLDS 2015 và luật các TCTD 2010 đều do Quốc hội ban hành, hiện nay Luật các TCTD 2010 cho phép các TCTD và khách hàng có quyền thỏa thuận lãi suất và sự thỏa thuận này phải phù hợp với các quy định các pháp luật, tuy nhiên lãi suất cho vay không được quy định trong Luật các TCTD 2010 mà được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015. Vì vậy Luật các TCTD cho phép các TCTD và khách hàng có quyền thỏa thuận lãi suất và sự thỏa thuận này phải phù hợp với quy định của pháp luật chính là phải phù hợp với khoản 1 Điều 468 BLDS 2015.

### ***2.1.2. Về lãi suất nợ quá hạn***

Quy định về lãi suất nợ quá hạn là một căn cứ pháp lý quan trọng để các TCTD và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay trong các HĐTD. Nợ quá hạn là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đều đã quá hạn.

Lãi suất quá hạn chỉ phát sinh khi tồn tại khoản nợ quá hạn. Do đó, trước khi tìm hiểu về lãi suất quá hạn, có hai vấn đề cần quan tâm là nợ quá hạn và thời điểm chuyển khoản nợ từ trong hạn sang quá hạn.

### ***2.1.3. Thỏa thuận phạt lãi suất chậm trả lãi***

Phạt vi phạm là một trong loại chế tài do các bên tự lựa chọn, nó có ý nghĩa như một biện pháp trừng phạt, răn đe, phòng ngừa vi phạm hợp đồng, nhằm nâng cao ý thức tôn trọng hợp đồng của các bên. Trong HĐTD các TCTD thường đưa vào thỏa thuận là người vay phải trả tiền phạt khi chậm trả lãi theo kỳ hạn (tức là lãi trên lãi). Lâu nay các TCTD vẫn áp dụng dưới hình thức phạt một lần theo tỷ lệ % trên số tiền lãi chậm trả (không cần biết thời gian chậm trả là bao lâu) hoặc phạt lãi trên lãi theo mức lãi suất riêng và thời gian chậm trả.

### ***2.1.4. Đánh giá các quy định về lãi suất trong hợp đồng tín dụng***

Các loại lãi suất tiền vay được quy định trong hợp đồng tín dụng

Ngân hàng được quy định trong Hợp đồng tín dụng các loại lãi tiền vay sau:

- Tiền lãi trên nợ gốc.
- Tiền lãi nợ quá hạn của số tiền gốc.
- Lãi chậm trả.

## **2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về lãi suất trong hợp đồng tín dụng**

### ***2.2.1. Lãi suất trong hạn và cách tính lãi suất trong hạn***

Hiện nay với Quyết định số:1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc NHNN (sửa đổi bổ sung 2002, 2005, 2011), Thông tư số: 07/2010/TT-NHNN ngày 26-02-2010 của NHNN quy định về việc cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận của TCTD với khách hàng; Thông tư số:12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của NHNN và Luật các TCTD 2010 có hiệu lực từ ngày 01/01/2011 quy định các TCTD được cho vay bằng đồng Việt Nam với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Trong khi đó theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.*

*Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.*”. Việc quy định khác nhau trong cùng một vấn đề dẫn đến việc áp



dụng pháp luật về lãi suất trong hạn trong HĐTD là không thống nhất, dẫn chứng qua một số vụ việc như sau:

Vụ án thứ nhất: Ngày 10/12/2014, Ngân hàng Đ - Chi nhánh Hà Nam đã ký Hợp đồng tín dụng số K2241/1 với Ông Phạm Văn X cùng vợ là bà Phạm Thị T, theo nội dung Hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận như sau: Số tiền vay (vốn gốc): 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng chẵn). Lãi suất: 10,5%/năm (lãi suất có điều chỉnh theo quy định). Thời hạn vay: 09 tháng (từ 10/12/2014 đến 10/9/2015).

Trong quá trình vay từ ngày 10/12/2014 đến ngày 10/09/2015, Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T đã trả được Ngân hàng Đ - Chi nhánh Hà Nam tổng số tiền lãi trong hạn là 63.612.250đ. Như vậy tính đến ngày 23/3/2018, Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T còn nợ Ngân hàng Đ - Chi nhánh Hà Nam tổng số tiền: 1.269.731.250 đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm ba mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) gồm các khoản. Tiền gốc: 900.000.000đ, tiền lãi trong hạn 5.512.500đ, tiền lãi quá hạn 364.218.750đ.

Lãi suất nợ quá hạn: Khi đến kỳ hạn trả nợ hoặc kết thúc thời hạn cho vay, nếu ông X và bà T không có khả năng trả nợ đúng hạn gốc, lãi thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ gốc thực tế sang nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại thời điểm tính lãi đối với số tiền chậm trả.

Ngày 10/12/2014, Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T ký hợp đồng tín dụng số K2241/1/NT và hợp đồng vay vốn số K2241/1 với số tiền vay 900.000.000 đồng, với thời hạn vay trong 09 tháng, lãi suất 10,5%/năm, mục đích vay Bổ sung vốn kinh doanh. Cùng ngày Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T ký giấy nhận nợ số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 26/12/2014 Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T ký giấy nhận nợ số tiền 600.000.000 đồng.

Nay Ngân hàng Đ - Chi nhánh Hà Nam buộc Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Đ - Chi nhánh Hà Nam số tiền gốc là 900.000.000đ, lãi trong hạn 5.512.500đ, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 23/3/2018 là 364.218.750đ; tổng số tiền là 1.269.731.250đ

Tại bản án số: 01/2018/KDTM-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam căn cứ vào Điều 463, 466, 468 và Điều 470 điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a, g khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 4, Điều 5 của Nghị quyết số

04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án lệ số 08/AL ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tối cao..

Buộc ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Đ - Chi nhánh Hà Nam số tiền còn nợ gồm:

- Tiền gốc: 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng).

- Tiền lãi trong hạn: 5.512.500đ (Năm triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

- Tiền lãi quá hạn: 364.218.750đ (Ba trăm sáu mươi tư triệu hai trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Tổng cộng: 1.269.731.250 đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm ba mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Lãi suất trong hạn từ ngày 10/12/2014 đến ngày 10/9/2015 cụ thể tính như sau: Tiền gốc x lãi suất đã thỏa thuận x thời hạn vay tức là 900.000.000 đồng x 0.875% x 9 tháng = 70.875.000 đồng. Trong khi đó tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tính lãi suất trong hạn cho Ngân hàng là 69.124.750 đồng đã gây ra thiệt hại cho Ngân hàng là 1.750.250 đồng.

Lãi suất quá hạn từ ngày 11/10/2015 đến ngày 23/8/2018 theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của BLDS 2015 được tính như sau: 900.000.000 đồng x 1.5% x 36 tháng = 468.000.000 đồng. Trong khi đó tòa án tính lãi suất quá hạn cho ngân hàng là 364.218.750đ còn thiếu của Ngân hàng là 103.781.250 đồng.

Vụ thứ hai: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tr và bà Trần Thị Minh Th - chủ doanh nghiệp xăng dầu Th ký kết HĐTD sau:

Hợp đồng tín dụng số: 3909-LAV-2010/HĐTD ngày 14 tháng 4 năm 2010 với nội dung: Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tr cho bà Trần Minh Th vay số tiền 300.000.000 đồng với mục đích nâng cấp trạm xăng dầu A lãi suất cho vay là 14,4 %/năm, lãi phạt chậm trả lãi là 0,05%, hạn cuối trả nợ là: 14 tháng 4 năm 2013. Sau khi thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Minh Th - chủ doanh nghiệp xăng dầu Th đã trả nợ số tiền gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 15 tháng 4 năm 2011 là 47.580.832 đồng. Ngân hàng nông

nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tr yêu cầu bà Trần Thị Minh Th - chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Th còn nợ số tiền gốc 200.000.000 đồng.

Tại Bản án số: 01/2015/KDTM- PT ngày 14/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị áp dụng Điều 471; khoản 5 Điều 474, Điều 476 BLDS và Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, nên tính lại lãi suất trong hạn như sau:

Về lãi suất trong hạn: Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 15/4/2011 bị đơn trả nợ số tiền lãi là 47.580.832 đồng trên số nợ gốc là 300.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 14/4/2010 đến ngày 14/4/2011 với mức lãi suất 14,4%/năm; 14,5%/năm; 15,5 %/năm; 16,2%/năm; 17%/năm; 19%/năm.

Vì vậy, cần phải tính lại số tiền lãi trong hạn như sau:  $(300.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\%/năm \times 366 \text{ ngày}) : 360 \text{ ngày} = 41.175.000 \text{ đồng}$ .

Tuy nhiên số tiền lãi Ngân hàng đã thu là: 47.580.832 đồng, vượt quy định là: 6.405.832 đồng  $(47.580.832 \text{ đồng} - 41.175.000 \text{ đồng})$  nên số tiền lãi vượt quá được trừ vào gốc.

Ngày 15/4/2011 bị đơn trả nợ số tiền gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi được trừ vào gốc là: 6.405.832 đồng, số tiền gốc còn nợ là:  $300.000.000 \text{ đồng} - 6.405.832 \text{ đồng} - 100.000.000 \text{ đồng} = 193.594.168 \text{ đồng}$ .

Bị đơn phải thanh toán số tiền lãi trong hạn tiếp từ ngày 15/4/2011 đến ngày 14/4/2013, cụ thể:  $(193.594.168 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 731 \text{ ngày}) : 360 \text{ ngày} = 53.069.001 \text{ đồng}$  và số tiền lãi quá hạn từ ngày 15/4/2013 đến ngày 05/10/2013 là: 8.372.947 đồng. Số tiền lãi được trừ vào gốc là 8.372.947 đồng.

Về lãi phạt chậm trả lãi là 0,05% thì pháp luật không có quy định nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Cùng một quy định về lãi suất nhưng các Tòa án khi xét xử vẫn có hướng giải quyết khác nhau dẫn đến hậu quả của số tiền lãi thu vượt quá quy định là không thống nhất. Vụ án thứ nhất thì số tiền lãi thu vượt quá quy định của pháp luật sẽ được trừ vào gốc tại thời điểm xét xử, vụ án thứ 2 thì số tiền lãi vượt quá được trừ vào gốc tại thời điểm trả lãi. Hiện nay pháp luật chưa có quy định về hậu quả đối với phần lãi suất được thu vượt quá quy định được giải quyết như thế nào. Vấn đề đặt ra là khi giải quyết hậu quả đối với phần lãi suất vượt quá quy định trên thì cách giải quyết nào là hợp lý nhất. Đối với cách giải quyết ở vụ án thứ nhất

thì số tiền lãi suất thu vượt quá sẽ được trừ vào số tiền gốc vào thời điểm xét xử. Với cách giải quyết này thì sẽ không giảm trừ được số tiền gốc để tính lãi suất trong hạn và quá hạn. Vì vậy, số tiền lãi suất trong hạn và quá hạn sẽ lớn bởi vì số tiền gốc để tính lãi suất trong hạn và quá hạn là lớn. Còn với cách giải quyết ở vụ án thứ hai là số tiền gốc sẽ được trừ vào số tiền gốc tại thời điểm trả lãi, với cách giải quyết như thế này thì số tiền lãi trong hạn và quá hạn sẽ nhỏ hơn bởi vì số tiền gốc tính lãi sẽ nhỏ. Theo tác giả thì đối với số tiền lãi thu vượt quá quy định của pháp luật thì sẽ trừ vào gốc vào thời điểm trả lãi, với quy định này sẽ khuyến khích các chủ thể thực hiện đúng quy định pháp luật về lãi suất cũng như hạn chế việc cho vay với lãi suất vượt quá quy định của pháp luật.

### **2.2.2. Lãi suất quá hạn**

Lãi suất nợ (gốc) quá hạn là một trong những nội dung thường xảy ra tranh chấp nhiều nhất trong hoạt động tín dụng.

### **2.2.3. Về phạt lãi suất chậm trả lãi.**

Theo quan điểm của tác giả quy định về việc phạt lãi suất do chậm trả lãi chưa được quy định trong pháp luật về ngân hàng, tuy nhiên việc các TCTD và khách hàng thỏa thuận điều khoản này là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 418 BLDS 2015 và tại Điều 300 và Điều 301 Luật thương mại và sự thỏa thuận này có ý nghĩa như là một chế tài nhằm đảm bảo cho bên vay thực hiện đúng hợp đồng ký kết về việc trả lãi suất.

### **2.2.4. Những vướng mắc, bất cập trong áp dụng pháp luật về lãi suất.**

Thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật về lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng tín dụng trong thời gian qua có một số hạn chế, vướng mắc sau: Hợp đồng tín dụng được thực hiện theo nguyên tắc do các bên thỏa thuận. Theo nguyên tắc này thì lãi suất, lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận; phạt vi phạm cũng do các bên thỏa thuận.

Lãi suất, lãi suất nợ quá hạn và phạt vi phạm được quy định trong các bộ luật, luật và văn bản quy phạm pháp luật dưới luật.

Về lãi suất, phạt vi phạm hợp đồng.

Về thời điểm và cách tính lãi để bảo đảm quyền lợi của người được thi hành án.

### **2.3. Đánh giá quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng.**

#### ***2.3.1. Quy định của pháp luật về tranh chấp và giải quyết tranh chấp về lãi suất***

Nhìn chung, các dạng tranh chấp về lãi suất có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng là:

TCTD hoặc người đi vay yêu cầu điều chỉnh lãi suất khi HĐTD quy định lãi suất cố định và thời hạn vay vẫn còn.

Tranh chấp về mức lãi suất trong hợp đồng và cách tính lãi suất trong hạn.

Tranh chấp về lãi suất nợ quá hạn và cách tính lãi đối với khoản nợ quá hạn.

- Có nhiều phương pháp để giải quyết tranh chấp về lãi suất như sau:

Thứ nhất, là giải quyết bằng thương lượng. Đây là hình thức giải quyết tranh chấp thông qua việc các bên tranh chấp tự thỏa thuận, trao đổi để giải quyết bất đồng mà không cần có sự tham gia của bên thứ ba.

Thứ hai, giải quyết bằng hòa giải. Đây là hình thức giải quyết tranh chấp có sự tham gia của bên thứ ba với vai trò là trung gian hòa giải trên cơ sở thỏa thuận của các bên có tranh chấp. Cách thức giải quyết do bên thứ ba đưa ra không mang tính bắt buộc mà mang tính tham khảo đối với các bên có tranh chấp.

Thứ ba, ngoài thương lượng và hòa giải thì có thể giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài thương mại.

Thứ tư, giải quyết tranh chấp thông qua tòa kinh tế hoặc tòa dân sự. Đây là hướng giải quyết các bên trong quan hệ tranh chấp thường lựa chọn để giải quyết vụ án ngày càng tăng.

#### ***2.3.2. Quy định của pháp luật về xử lý vi phạm lãi suất.***

Khi có vi phạm về lãi suất cho vay trong HĐTD thì cơ quan tài phán mà trong đó là tòa án tiến hành giải quyết vụ án nếu phát hiện có vi phạm về lãi suất thì phạt vi phạm về lãi suất chậm trả.

Phạt vi phạm là một trong loại chế tài do các bên tự lựa chọn, nó có ý nghĩa như một biện pháp trừng phạt, răn đe, phòng ngừa vi phạm hợp đồng, nhằm nâng cao ý thức tôn trọng hợp đồng của các bên. Trong HĐTD các TCTD thường đưa vào thỏa thuận là người vay phải trả tiền phạt khi chậm trả lãi theo kỳ hạn (tức là lãi trên lãi). Lâu nay các TCTD vẫn áp dụng dưới hình thức phạt một lần theo tỷ lệ % trên số tiền lãi

chậm trả (không cần biết thời gian chậm trả là bao lâu) hoặc phạt lãi trên lãi theo mức lãi suất riêng và thời gian chậm trả.

Hiện nay vấn đề tiền phạt lãi suất do chậm trả lãi chưa được quy định trong pháp luật Ngân hàng, điều khoản phạt chậm trả lãi trong HĐTD chỉ mới quy định tại một số điều tại BLDS 2015 và Luật thương mại 2005.

### ***2.3.3. Nguyên nhân và nội dung thường xảy ra trong tranh chấp về lãi suất.***

Thứ nhất, khách hàng vay vốn làm đơn yêu cầu giảm hoặc miễn lãi và TCTD đã đồng ý kèm theo điều kiện trả nợ trong một thời hạn nhất định, nhưng sau đó bên vay không thực hiện trả nợ đúng hạn dẫn đến tranh chấp.

Thứ hai, phía cho vay yêu cầu nâng lãi suất so với thỏa thuận ban đầu tại HĐTD vốn thỏa thuận lãi suất cố định nhưng bên vay không đồng ý.

Thứ ba, tranh chấp về mức lãi suất trong hạn và cách tính lãi suất trong hạn.

Thứ tư, tranh chấp lãi suất quá hạn và cách tính lãi suất lãi đối với khoản nợ quá hạn.

### **Tiểu kết chương 2**

Dựa trên cơ sở lí luận ở chương 1, chương 2 đã tập trung trình bày những thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về lãi suất trong HĐTD, từ đó đề ra những kiến nghị nhằm giải quyết các vấn đề này. Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về lãi suất trong HĐTD được trình bày ở các khía cạnh sau: Thứ nhất, lãi suất trong hạn và cách tính lãi suất trong hạn; lãi suất quá hạn; phạt lãi suất chậm trả; đánh giá quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm pháp luật về lãi suất trong HĐTD. Thứ hai, có sự bất đồng quan điểm trong việc xác định mức lãi suất trong hạn và cách tính lãi suất trong hạn giữa các bên giao kết HĐTD và cả cơ quan chức năng khi xét xử. Thứ ba, những tranh chấp trong việc xác định lãi suất nợ quá hạn và cách tính lãi đối với khoản nợ quá hạn. Để minh họa cho các tranh chấp, tác giả đã trình bày và phân tích một số vụ việc cụ thể.

### **Chương 3**

## **YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ LÃI SUẤT TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**

**3.1. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về lãi suất trong Hợp đồng tín dụng ở Việt Nam hiện nay.**

***3.1.1 Đảm bảo vai trò của công cụ lãi suất trong nền kinh tế thị trường***

Trong nền kinh tế, lãi suất là nhân tố giữ vai trò quan trọng. Sự biến đổi của lãi suất kéo theo sự biến động của cả nền kinh tế, tới đời sống xã hội. Ta thấy rằng nếu lãi suất là hoàn toàn tự do, không chịu sự điều tiết của pháp luật thì ảnh hưởng của nó đến nền kinh tế, đời sống xã hội là rất lớn. Khi đó, TCTD sẽ chịu tác động trước hết, TCTD là đơn vị kinh doanh, lợi nhuận là mục tiêu hàng đầu. Trong khi lợi nhuận của TCTD tích hợp từ yếu tố lãi suất. TCTD sẽ tận dụng triệt để khả năng tự do hoàn toàn lãi suất, TCTD sẽ tìm cách nâng lãi suất cho vay, giảm lãi suất huy động vốn để có lợi nhuận cao nhất. Từ đó, các cá nhân, tổ chức có nhu cầu vốn khó tiếp cận được nguồn vốn, làm ảnh hưởng đến khả năng sản xuất. Nên lãi suất hoàn toàn tự do không phát huy hiệu quả trong nền kinh tế. Vậy ta khẳng định nhưng ưu điểm của lãi suất chỉ có thể phát huy khi có một cơ chế pháp lý điều chỉnh.

***3.1.2. Tạo hành lang pháp lý trong hoạt động tín dụng, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn cho chính tổ chức tín dụng và hệ thống tín dụng.***

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội, là công cụ hữu hiệu nhất thể hiện ý chí quyền lực của Nhà nước. Pháp luật thuộc về kiến thức thượng tầng tác động đến quan hệ kinh tế là lãi suất tín dụng. Pháp luật xây dựng các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể khi tham gia vào hoạt động tín dụng ngay các quy định về lãi suất cũng được cụ thể để cho các chủ thể này thiết lập quan hệ trên cơ sở được bảo vệ lợi ích và chịu sự ràng buộc.

Pháp luật cũng tạo cơ chế pháp lý để giải quyết tranh chấp phát sinh trong HĐTD trong đó có tranh chấp về lãi suất. Các tranh chấp về lãi suất trong HĐTD là thường xảy ra và sự điều chỉnh của pháp luật cho phép các chủ thể có thể tự bảo vệ mình khi bị xâm hại thông qua các cơ chế giải quyết như trọng tài, Tòa án... Các cơ chế này sẽ tạo điều kiện cho các chủ thể bảo vệ quyền và lợi ích của mình, chống lại các hiện tượng xâm phạm lợi ích của các chủ thể xuất phát từ lợi ích kinh tế là lãi suất.

## **3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật**

### ***3.2.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự về vi phạm lãi suất theo quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự.***

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nền kinh tế nước ta đã và đang chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng Xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, cùng với sự ra đời của các loại hình doanh nghiệp là các ngân hàng, TCTD được thành lập với nhiều thành phần kinh tế khác nhau (Nhà nước, tư nhân, liên doanh) đã làm thay đổi cơ bản về các quan hệ kinh tế, xã hội trong môi trường phát triển và cơ chế quản lý mới. Tội phạm hình sự nói chung và tội phạm trong hoạt động ngân hàng nói riêng đều là các hành vi nguy hiểm, xâm hại nghiêm trọng đến các quan hệ xã hội, chính sách kinh tế tài chính của Đảng, Nhà nước ta.

### ***3.2.2. Hoàn thiện quy định thống nhất căn cứ tính lãi suất chậm trả trong BLDS và luật chuyên ngành liên quan***

Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả thì lãi suất chậm thanh toán=150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Như vậy, chỉ riêng trong BLDS 2015 đã có sự phân biệt trong cách tính lãi suất chậm trả, nhất là trong hoạt động vay tài sản. Trên thực tế, không chỉ có BLDS điều chỉnh về lãi suất mà còn có các luật chuyên ngành điều chỉnh. Tuy nhiên, các quy định của luật chuyên ngành lại mâu thuẫn với BLDS.

Ngày 16/6/2010, Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật các tổ chức tín dụng (luật số 47/2010/QH12). Tại Khoản 2 điều 91 Luật này qui định trực tiếp về lãi suất thỏa thuận, không điều chỉnh thông qua các văn bản dưới luật như trước đây. Tuy nhiên, luật các tổ chức tín dụng 2010 lại không đề cập đến lãi suất đối với khoản nợ quá hạn, như vậy các bên quan hệ tín dụng và cơ quan giải quyết tranh chấp vẫn áp dụng khoản 5 Điều 466 BLDS 2015 hoặc khoản 4 điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN. Trở lại với hai căn cứ áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với khoản nợ gốc quá hạn này, lại đặt ra mối quan hệ luật chung và luật chuyên ngành và giá trị pháp lý của các văn bản pháp luật.

Tại văn bản hướng dẫn này, nên quy định rõ lãi suất đối với khoản nợ quá hạn không vượt quá 150% lãi suất trong hạn trong hợp đồng tín dụng, trừ trường hợp các bên có thuận khác. Với hướng dẫn cụ thể trong luật chuyên ngành như vậy, các TCTD sẽ không bị thiệt thòi khi có tranh



chấp, vì Tòa án sẽ có cơ sở để không áp dụng lãi suất cơ bản trong tính lãi suất nợ quá hạn. Sở dĩ cần làm như vậy vì đây là một quan hệ dân sự đặc thù, có luật chuyên ngành điều chỉnh sẽ sâu sát hơn với thực tế so với BLDS. Mặt khác, trên thực tế, các TCTD áp dụng Thông tư 39/2016/TT-NHNN để tính lãi suất quá hạn, và chỉ có những hợp đồng bị tranh chấp mới phát sinh lãi suất nợ quá hạn, còn những hợp đồng khác với khách hàng vẫn áp dụng cách tính lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Nghĩa là quy định của BLDS chỉ có thể điều chỉnh một bộ phận trong số lượng lớn các hợp đồng tín dụng giữa TCTD và khách hàng vay vốn, chưa thực sự có sức ảnh hưởng nhiều và hiệu quả trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

BLDS 2015 và Luật thương mại 2005 đưa ra hai cơ sở để làm căn cứ tính tiền phạt chậm trả khác nhau.

Khoản 2 Điều 357 BLDS quy định: *“Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”*

Trong đó Điều 306 LTM 2005 lại qui định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật có qui định khác.”*

Theo qui định BLDS, LTM thì có hai cách tính tiền phạt chậm trả, theo đó do các bên tự do thỏa thuận nhưng không được vượt quá trần 20%/năm, bởi lẽ nếu căn cứ vào lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường như qui định của Luật thương mại năm 2005 thì các bên lại phải trả qua giai đoạn xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình, sẽ tốn thời gian, cơ quan tài phán cũng gặp khó khăn hơn khi giải quyết vụ việc nếu có tranh chấp xảy ra.

Tuy nhiên, sẽ có nhiều ý kiến trái chiều, trong đó nhiều ý kiến cho rằng ý nghĩa của việc phạt trả chậm nhằm hạn chế chủ thể có nghĩa vụ Chậm thanh toán theo nghĩa vụ của mình; mặt khác, đó là hình thức chế tài buộc người vi phạm nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm vì hành vi vi phạm pháp luật của mình. Việc qui định chỉ có một cách thức tính tiền phạt sẽ hạn chế quyền của bên bị vi phạm hơn so với dựa trên cơ sở lãi

suất nợ quá hạn trung bình tên thị trường (vì lãi suất nợ quá hạn cao hơn lãi suất cơ bản). Vì thế, với quan điểm này, tác giả đã đưa ra kiến thứ hai là pháp luật vẫn qui định nhiều cách thức phạt trả chậm, nhưng khi áp dụng các bên chỉ được lựa chọn một cách thức phạt đối với một khoản nợ chậm trả để đảm bảo lợi ích của bên vi phạm nghĩa vụ.

### ***3.2.3. Hoàn thiện các quy định về xử lý vi phạm lãi suất.***

Cần có quy định về lãi suất quá hạn hợp lý nhằm khuyến khích bên đi vay trả nợ đúng hạn cũng như thể hiện tư cách là một chế tài nhằm hạn chế việc vi phạm thời hạn trả nợ. Để làm được như vậy, thiết nghĩ việc quy định lãi suất quá hạn phải cao hơn lãi suất trong hạn.

### ***3.2.4. Hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp về lãi suất.***

Cần tổ chức hội thảo, tập huấn nghiệp vụ cho Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án về các quy định pháp luật lãi suất trong luật dân sự và trong pháp luật ngân hàng.

Cần ban hành các án lệ về cách tính lãi suất trong các HĐTD để việc áp dụng pháp luật về lãi suất trong HĐTD được thống nhất nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Cần bổ sung quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và nguồn bổ nhiệm Thẩm phán. Nguồn bổ nhiệm Thẩm phán không chỉ từ những người đang công tác trong ngành mà còn cả những người là luật sư có đầy đủ những điều kiện theo quy định của pháp luật. Việc tiến hành công tác bổ nhiệm Thẩm phán phải minh bạch, đảm bảo chọn được Thẩm phán có năng lực về chuyên môn và đạo đức.

Cần trao đổi với các cơ quan liên quan để có văn bản hướng dẫn kịp thời.

Cần có sự tổng kết, rút kinh nghiệm trong công tác xét xử đối với loại vụ việc này, từ đó tìm ra và khắc phục vướng mắc, khó khăn trong hoạt động của Tòa án.

## **3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật**

Các biện pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động áp dụng pháp luật

Tăng cường giáo dục pháp luật, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật.

Hoạt động áp dụng pháp luật là lĩnh vực hoạt động đặc thù chỉ do cơ quan nhà nước hay nhà chức trách có thẩm quyền thực hiện. Dù là cơ quan nhà nước hay nhà chức trách có thẩm quyền thì cũng đều phải thông qua những cá nhân con người cụ thể - đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước có chức năng, thẩm quyền áp dụng pháp luật. Chất lượng, hiệu quả hoạt động áp dụng pháp luật của đội ngũ này phụ thuộc phần lớn vào trình độ tri thức, hiểu biết pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ của họ.

Trong số nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, khiếm khuyết trong hoạt động áp dụng pháp luật ở nước ta hiện nay thì sự thiếu tri thức pháp luật và yếu về kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật vẫn là nguyên nhân chủ yếu. Đảng ta đã nhận định “ năng lực pháp luật thể chế, quản lý, điều hành, tổ chức thực thi pháp luật còn yếu... Chất lượng đội ngũ cán bộ công chức đưa đạt được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới của đất nước. Cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu đề ra; thủ tục hành chính còn gây phiền hà cho tổ chức và công dân. Cải cách tư pháp còn chậm, chưa đồng bộ. Công tác điều tra giam giữ, truy tố, xét xử trong một số trường hợp chưa chính xác, án tồn đọng, án bị hủy, bị cải sửa còn nhiều.

### **Tiểu kết chương 3**

Dựa trên cơ sở lý luận chương 1, thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng của pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng ở chương 2. Chương 3 tập trung giải quyết các yêu cầu hoàn thiện pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng ở Việt Nam hiện nay. Từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về lãi suất trong những trường hợp cụ thể để tạo nên sự hoàn thiện về pháp luật lãi suất để hạn chế các tranh chấp về lãi suất.

## PHẦN KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu để có một chính sách pháp luật về lãi suất cho phù hợp là vô cùng cần thiết để xây dựng nền kinh tế. Trên thực tế chính sách pháp luật về lãi suất trong suốt thời gian qua đã không ngừng thay đổi.

Để thực hiện được các mục tiêu nêu trên, cần thực hiện những nội dung cụ thể sau đây:

Một là: Theo Hiến pháp năm 2013 và BLDS năm 2015 về quyền dân sự chỉ có thể bị hạn chế bằng luật. Do vậy, theo quan điểm của tác giả, cần sửa đổi khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010/TCTD để có cách hiểu thống nhất hơn trong xây dựng pháp luật và áp dụng pháp luật. Cụ thể, khoản 2 Điều 91 Luật này, sau khi sửa đổi được viết lại như sau *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước áp dụng lãi suất theo quy định tại khoản 3 Điều này”*.

Hai là: Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành thông tư hướng dẫn cụ thể về quy định: *“Trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”* quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015.

Ba là, cần có sự tổng kết, rút kinh nghiệm trong công tác xét xử các vụ án liên quan đến lãi suất trong HĐTD, từ đó tìm ra và khắc phục vướng mắc, khó khăn trong hoạt động tố tụng của Tòa án.

Bốn là: Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *Những tranh chấp hợp đồng tín dụng mà khách hàng là cá nhân, tổ chức không có đăng ký kinh doanh, không có mục đích lợi nhuận thì áp dụng quy định của pháp luật liên quan về lĩnh vực này theo quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015.*

Năm là: Nếu có dấu hiệu cấu thành tội phạm hình sự, cần xử lý theo quy định tại Điều 201 BLHS năm 2015 về tội *“Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”*

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Văn bản pháp luật

1. Bộ Luật dân sự 1995.
2. Bộ luật dân sự 2005.
3. Bộ luật dân sự 2015.
4. Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.
5. Luật các tổ chức tín dụng năm 1997.
6. Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.
7. Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997.
8. Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010.
9. Luật thương mại năm 2015.
10. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.
11. Thông tư số: 07/2010/TT-NHNN ngày 26-02-2010 của ngân hàng Nhà nước
12. Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của ngân hàng Nhà nước
13. Thông tư số: 33/2011/TT-NHNN ngày 08/10/2011 của ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
14. Quyết định số: 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001, *Quy định phương pháp tính và hoạch toán thu, trả lãi của NHNN Việt Nam và các TCTD*, Thống đốc ngân hàng Nhà nước ban hành.
15. Quyết định số: 16/2008/QĐ-NHNN ngày 16/5/2008, Thống đốc ngân hàng Nhà nước.
16. Quyết định số: 241/2000/QĐ- NNNN ngày 02/8/2000 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước.
17. Quyết định số: 546/2002/QĐ- NHNN của Thống đốc ngân hàng Nhà nước.
18. Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước.
19. Quyết định số: 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước
20. Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước.
21. Quyết định số: 28/2002/QĐ-NHNN ngày 11/01/2002 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước

### II. CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Thế Anh, "*Lãi suất dân sự - Thực trạng và giải pháp*", Luận văn cử nhân, Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh.

2. Th.s. LS. Lương Khải Ân, “*Vận dụng đúng quy định của pháp luật về lãi suất, giải quyết tranh chấp tín dụng ngân hàng, Tòa án*”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 23, tháng 10/2013 và số 24 tháng 12/ 2013.

3. Bản án số: 01/2018/KDTM-ST ngày 23//2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

4. Bản án số: 01/2015/KDTM- PT ngày 14/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị

5. Bộ Tư pháp, Viện khoa học pháp lý (2006), Từ điển Luật học, NXB từ điển bách khoa và Nxb Tư pháp, Hà Nội.

6. TS. Lê Vinh Danh “*Tiền và hoạt động ngân hàng*”, NXB tài chính.

7. PGS.TS Nguyễn Đăng Dờn “*Lý thuyết tài chính-tiền tệ*”, NXB Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, xuất bản 2005.

8. TS. Đỗ Văn Đại- Lãi suất trần cho vay: Kinh nghiệm nước ngoài và hướng sửa đổi Bộ luật Dân sự.

9. Ngô Xuân Hào, “*Lãi suất trong tiến trình tự do hóa tài chính tình huống Việt Nam*”, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

10. La Hồng “*Tự do hóa lãi suất và những biện pháp hạn chế rủi ro lãi suất trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại*”, Luận văn thạc sỹ, Đại học luật thành phố Hồ chí Minh.

11. Nguyễn Thị Thu Hằng, “*Giải quyết tranh chấp trong hợp đồng tín dụng tại Tòa án*” - khóa luận Đại học Luật Hà Nội năm 2008

12. PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hùng (1998), Lý thuyết tài chính- tiền tệ, Nxb Thống kê.

13. TS. Nguyễn Minh Kiều, “*Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*”, NXB Thống kê.

14. Nguyễn Thị Loan (2003), “*Giải pháp hoàn thiện quản trị lãi suất tại NHTM Việt Nam*”, Luận văn thạc sỹ, Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

15. PGS.TS. Đoàn Đức Lương, “*Vướng mắc trong áp dụng pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng tín dụng*”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 20 tháng 10/2013.

16. Phạm Lê Ninh “*Tranh chấp về lãi suất trong hợp đồng tín dụng- Thực trạng và giải pháp*”, Luận văn cử nhân, Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh.

17. Th.s Nguyễn Thanh Tùng “*Vướng mắc trong việc giải quyết yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán trong hợp đồng dân sự*”

*và thương mại ở Việt Nam*”, Khoa luật- Đại học Huế, tạp chí Tòa án số 21, tháng 11/2013.

18. PGS. TS. Lê Văn Tư (2004) Tiền tệ, Ngân hàng, thị trường tài chính, NXB tài chính, Hà Nội.

19. PGS.TS Lê Văn Tể- TS Lê Đình Viên (2008), Tiền tệ và ngân hàng, nxb Lao động- xã hội.

20. Tác phẩm tư bản, tập thứ 3, phần 1 của Các Mác.

21. Tòa án nhân dân tối cao, tham luận của Tòa kinh tế năm 2014.

22. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), Giáo trình Luật ngân hàng Việt Nam, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

23. Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao ([congboanan.toaan.gov.vn](http://congboanan.toaan.gov.vn)).